

Số: .../TB-UBND

Lâm Thao, ngày tháng 9 năm 2020

**THÔNG BÁO**

**Về việc công bố công khai Quyết định điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (lần 3)**

Căn cứ Điều 48 Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, UBND tỉnh Phú Thọ đã ban hành Quyết định số 1999/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (lần 3).

UBND huyện Lâm Thao công bố công khai Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lâm Thao đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020 (sao gửi kèm). Địa điểm công khai tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, trụ sở UBND các xã, thị trấn và đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Lâm Thao tại địa chỉ: <http://lamthao.phutho.gov.vn/>

Thông báo để các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân trên địa bàn huyện được biết./

**Nơi nhận :**

- TTHU, TT HĐND huyện (báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng: TN&MT; TC-KH; KT&HT; Tư Pháp; Thanh Tra; NN&PTNT;
- TT Phát triển cụm CN huyện;
- TTVHTT&DL huyện;
- Ban quản lý các CTCC huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chánh VP HĐND & UBND huyện;
- Lưu: VT, TNMT (Quảng.34b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Hoài Giang**

Số:1999/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 27 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020  
huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (lần 3)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ thông qua danh mục thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận; danh mục các dự án chuyển tiếp tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung diện tích tại các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đang còn hiệu lực; danh mục các dự án thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn huyện Lâm Thao; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (lần 1); Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Lâm Thao (lần 2);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 529/TTr-TNMT ngày 25/8/2020).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Lâm Thao với các nội dung chủ yếu sau:

### 1. Phân bổ diện tích các loại đất:

- Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp là: 5.969,52ha, giảm 19,25ha so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất chuyên trồng lúa nước là: 3.451,31ha, giảm 18,34ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác là: 568,51ha, giảm 0,03 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm là: 1.103,43ha, tăng 0,20ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất nuôi trồng thủy sản là: 573,29ha, giảm 2,02ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất nông nghiệp khác là: 41,66ha, tăng 0,94ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh diện tích đất phi nông nghiệp là: 3.820,59ha, tăng 19,31ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt, cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất thương mại dịch vụ là: 17,49ha, tăng 0,25ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là: 124,82ha, tăng 0,40ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là: 1.199,84ha, giảm 2,22ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất ở tại nông thôn là: 603,54ha, tăng 10,30ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất ở tại đô thị là: 159,66ha, tăng 10,58ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh diện tích đất chưa sử dụng là: 36,35ha, giảm 0,06 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đã được phê duyệt.

Các chỉ tiêu khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của UBND huyện Lâm Thao đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt.

### Biểu 01. Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh kế hoạch

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo DC KHSDD 2020 được duyệt (ha)	Diện tích Điều chỉnh KHSDD 2020 (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	<b>Tổng diện tích đất tự nhiên</b>		<b>9.835,46</b>	<b>9.835,46</b>	<b>-</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>5.988,77</b>	<b>5.969,52</b>	<b>-19,25</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.469,65	3.451,31	-18,34
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	3.088,62	3.070,28	-18,34
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	568,54	568,51	-0,03

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo DC KHSDD 2020 được duyệt (ha)	Diện tích Điều chỉnh KHSDD 2020 (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.103,23	1.103,43	0,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	231,33	231,33	0,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	575,31	573,29	-2,02
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	40,72	41,66	0,94
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.801,28</b>	<b>3.820,59</b>	<b>19,31</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	28,48	28,48	0,00
2.2	Đất an ninh	CAN	22,49	22,49	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	88,36	88,36	0,00
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	17,24	17,49	0,25
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	124,42	124,82	0,40
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,56	3,56	0,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.202,06	1.199,84	-2,22
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	9,09	9,09	0,00
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,36	2,36	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	593,24	603,54	10,30
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	149,08	159,66	10,58
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,46	11,46	0,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,35	16,35	0,00
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	84,60	84,60	0,00
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	71,84	71,84	0,00
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	13,70	13,70	0,00
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	0,71	0,71	0,00
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	7,84	7,84	0,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.285,80	1.285,80	0,00
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	74,05	74,05	0,00
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,55	3,55	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>36,41</b>	<b>36,35</b>	<b>-0,06</b>
<b>4</b>	<b>Đất khu công nghệ cao</b>	<b>KCN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5</b>	<b>Đất khu kinh tế</b>	<b>KKT</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6</b>	<b>Đất khu đô thị</b>	<b>KDT</b>	<b>1.026,45</b>	<b>1.026,45</b>	<b>-</b>

## 2. Danh mục công trình điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2020.

(Chi tiết có phụ biểu 02 đính kèm)

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo quyết định đã được phê duyệt; tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo quy định.

2. UBND huyện Lâm Thao có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3:** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Lâm Thao và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, PCT (Ô. Tấn);
- Các PCVP;
- Lưu: VT, KT3<sub>(2b)</sub> (H-14b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Trọng Tấn**

Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Phạm Tấn  
Số quyết định: 1240/P.Đ.ĐT  
Ngày ký: 27-08-2020 14:17:21 -07:00

**Phụ biểu 02: Danh mục công trình trong Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ**

(Kèm theo Quyết định số: 1999/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: ha

TT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ Đầu Tư	Mục đích sử dụng										Cơ sở thực hiện dự án		
				NTS	ONT	ODT	NKH	HNK	CLN	DGT	DTL	DNL	CSD			
Tổng:																
A	Công trình, dự án bổ sung mới trong KHSDĐ năm 2020			36.17	18.34	2.02			12.72	0.03	0.00	1.46	1.02	0.52	0.06	
1	Dự án xây dựng hạ tầng khu đô thị mới	Khu Đồng Nhà Vác, thị trấn Lâm Thao	UBND huyện Lâm Thao	10.60	8.10	1.36						0.86	0.25		0.03	NQ số 09/2020/HĐND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh
2	Dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư nông thôn mới tại địa bàn các xã (Cao Xá, Sơn Vi, Tứ Xã)	Các xã: Cao Xá; Sơn Vi; Tứ Xã	Dự án cần lựa chọn nhà đầu tư	10.50	8.95	0.66			0.03			0.50	0.33		0.03	NQ số 09/2020/HĐND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh
3	Dự án đầu tư xây dựng xưởng sản xuất bao bì PP, PE, bao bì giấy	Khu làng nghề, xã Sơn Vi	Công ty cổ phần Việt Thịnh	0.40	0.34							0.06				NQ số 09/2020/HĐND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh
4	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng kinh doanh bán lẻ xăng dầu	Khu Ngọc Tinh, TT Lâm Thao	Công ty TNHH Phú Đạt Phú Thọ	0.25	0.25											NQ số 09/2020/HĐND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh
5	Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm tăng áp huyện Lâm Thao	Xã Phùng Nguyên (xã Sơn Dương cũ)	Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ	0.76	0.70							0.06				NQ số 09/2020/HĐND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh
6	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất (Chi cục thủy sản cũ)	Khu 1, xã Sơn Vi	Trung tâm TTTV về tài chính và dịch vụ Tài chính - Sỡ	13.66					12.72			0.10	0.32	0.52		QĐ số 1555/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ
B	Công trình, dự án đã được phê duyệt trong KHSDĐ năm 2020, nay điều chỉnh diện tích, cơ cấu loại đất															

TT	Tên dự án	Địa điểm	Chủ Đầu Tư	Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng									Căn cứ thực hiện dự án			
					LUC	NTS	ONT	ODT	NKH	HNK	CLN	DGT	DTL		DNL	CSD	
I	<b>Loại đất thu hồi, chuyển MDSDD theo kế hoạch đã được duyệt</b>				<b>4.90</b>												
1	Dự án sửa chữa, cải tạo tuyến đường nối từ Quốc lộ 32C đi QL 2D	Xã Thạch Sơn	BQL dự án và dịch vụ công cộng	1.90	0.90												QĐ số 3457/QĐ-UBND ngày 30/12/2019
2	Dự án cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao đoạn km64 - Km80, 1 huyện Lâm Thao	Xã Xuân Huy, xã Hợp Hải	Sở NN&PTNT	3.00	0.70												QĐ số 3457/QĐ-UBND ngày 30/12/2019
II	<b>Nội dung điều chỉnh bổ sung</b>				<b>4.98</b>	<b>1.60</b>		<b>0.20</b>	<b>0.02</b>		<b>1.30</b>	<b>1.80</b>	<b>0.06</b>				
1	Dự án sửa chữa, cải tạo tuyến đường nối từ Quốc lộ 32C đi QL 2D	Xã Thạch Sơn (1.9ha), thị trấn Hùng Sơn (0.08ha)	BQL dự án và dịch vụ công cộng	1.98	0.90			0.02		0.50	0.50	0.06					NQ số 09/2020/HĐND ngày 15/7/2020 của HĐND tỉnh (bổ sung tại thị trấn Hùng Sơn diện tích 0,08ha, lấy vào đất ODT: 0,02ha; đất DGT: 0,06ha)
2	Dự án cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao đoạn km64 - Km80, 1 huyện Lâm Thao	Xã Xuân Huy, xã Hợp Hải	Sở NN&PTNT	3.00	0.70		0.20			0.80	1.30						QĐ số 3457/QĐ-UBND ngày 30/12/2019